

## TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN LÀNG PHƯỚC TRẠCH

**Trần Phương**

Tín ngưỡng, một thành tố văn hóa truyền thống giữ vai trò quan trọng trong đời sống của cộng đồng, phản ánh ước vọng của con người đối với cuộc sống thường ngày. Trong văn hóa cộng đồng người Việt, văn hóa của cư dân ven biển, trong đó có văn hóa tín ngưỡng là một bộ phận quan trọng, góp phần tạo nên bức tranh văn hóa Việt Nam. Đối với cư dân miền biển, bên cạnh những hoạt động văn hóa tín ngưỡng nằm trong hệ thống tín ngưỡng chung của dân tộc, văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng cư dân này còn có những biểu hiện mang tính đặc thù riêng. Từ đó, mỗi vùng miền, mỗi địa phương trên đất nước Việt Nam cũng có những nét đặc trưng riêng về văn hóa tín ngưỡng miền biển, tạo nên sự đa dạng trong một thể thống nhất. Làng Phước Trạch, xã Cẩm An, thành phố Hội An cũng nằm trong hệ thống đó.

Làng Phước Trạch xưa, nay thuộc địa phận phường Cửa Đại, thành phố Hội An. Theo một số tư liệu và những kết quả nghiên cứu, làng Phước Trạch được thành lập vào khoảng thế kỷ thứ XVII bởi các bậc tiền hiền của các tộc Trương, Trần, Lê, Phạm từ các vùng Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh di cư vào. Trải qua thời gian, nhiều tộc họ từ các vùng miền khác đến đây định cư cùng góp công sức với các tộc tiền hiền khai hoang, mở rộng cương vực của làng. Cư dân trong làng chủ yếu sinh nhai bằng nghề đánh bắt thủy hải sản,

dần hình thành nên làng chài Phước Trạch<sup>1</sup> và được duy trì đến hiện nay. Trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày cũng như trong lao động sản xuất của cư dân nơi đây đã dần hình thành nên các giá trị văn hóa tín ngưỡng đặc trưng thông qua việc duy trì và thực hành những nghi lễ tín ngưỡng phong phú liên quan đến cuộc mưu sinh trên biển, bên cạnh đó là những kiêng kỵ, những tri thức, thế ứng xử của con người đối với biển cả, góp phần tạo nên sự đa dạng trong kho tàng di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn thành phố Hội An.

Cũng như bao làng xã người Việt tại Hội An, tín ngưỡng và nghi lễ đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của cư dân làng Phước Trạch. Điều kiện lao động của ngư dân trong môi trường biển cả bao la đầy thách thức và hiểm nguy. Vì lẽ đó, tín ngưỡng đóng vai trò như là một “điểm tựa” quan trọng, tạo nên niềm tin vững chắc cho ngư dân trong những chuyến hành trình dài lênh đênh trên biển cả. Cũng như những người nông dân, ngư dân làng chài Phước Trạch luôn tôn thờ ông bà, tổ tiên. Bàn thờ tổ tiên, ông bà được đặt nơi trang trọng nhất trong ngôi nhà, thực hành các lễ nghi cúng tế truyền thống trong năm. Bên cạnh đó, họ còn tôn thờ các vị thần phù trợ, bảo hộ cho cộng đồng như thần Cao Các, Ngũ hành tiên nương, Nam Hải Ngọc Lân (cá

<sup>1</sup> Làng Phước Trạch còn có tên gọi dân gian là làng Cầu

voi). Trong cuộc mưu sinh với nghề biển, ngư dân nơi đây gắn bó mật thiết với con thuyền, lênh đênh nơi biển cả bao la, đối diện với những cơn sóng trắng xóa, những hiểm nguy luôn rình rập xung quanh. Do đó, họ luôn nguyện cầu những vị thần linh ra tay chở che, hộ mạng cho họ trước những thách thức, hiểm nguy, từ đó đã dần hình thành nên các công trình kiến trúc tín ngưỡng liên quan đến sông nước và biển cả. Trong hệ thống thờ tự các vị thần linh biển cả ở làng Phước Trạch, cá Ông (cá voi) được ngư dân xem là một vị phúc thần, luôn bảo hộ, cứu giúp những người ngư dân chẳng may gặp nạn trên biển. Do vậy, tín ngưỡng thờ cá Ông và các nghi lễ đi kèm là vô cùng quan trọng và mang ý nghĩa to lớn đối với cư dân ở làng này. Cư dân trong làng lập nên lăng thờ cá Ông (cá voi),

tên gọi là lăng Tứ Chánh Vạn. Đối với người dân làng Phước Trạch, cá voi chính là vị thần đã cứu giữ tính mạng của Nguyễn Ánh (sau này là vua Gia Long), người thành lập nên vương triều nhà Nguyễn. Về thời điểm phát khởi tín ngưỡng thờ cá Ông (cá voi) hiện nay vẫn chưa thể xác định được cụ thể, có một số truyền thuyết cho rằng cá Ông (cá voi) là hóa thân của Quan âm Nam Hải, vị thần sóng biển Pô Riyak của người Chăm, tuy nhiên đó cũng chỉ là giả thuyết chưa đủ thuyết phục. Theo Hoàng Việt nhất thống dư địa chí, viết năm 1806, có thể xem là một tài liệu sớm nhất, ghi lại việc thờ cúng cá voi trên một địa điểm cụ thể. Trong phần ghi chép về dinh Bình Thuận có đoạn viết:

“... 1.780 tầm, phía nam dọc theo bãi biển, phía bắc dọc theo động cát,



Một góc làng Phước Trạch

đền miếu Thần Hải, miếu thờ thần Nam Hải cự tộc ngọc lân, tượng thần bằng đất, áo mũ rất trang nghiêm, hai bên có bầy đao kiếm, chiêng trống và tàn lọng, đằng sau tượng có hòm gỗ sơn màu đỏ. Theo lời kể của các vị bô lão thôn Sơn Hải thì ngày 2.2. Bính Ngọ (?), người trong thôn thấy một khúc xương cá voi trên tấm ván gỗ thông trôi từ ngoài biển vào bãi này, lúc ấy dân thôn Vũng Diên Phan Rang tập hợp lại cùng nhau bung tấm gỗ thông có xương cá ấy định đem đi mai táng, nhưng khi họ nhắc lên thì không sao nhắc nổi, bỗng dưng có một người trong thôn tên là Cha Tài nhập đồng nói to rằng: không được, chỗ ở của ta tại đây, không được đem đi táng chỗ khác. Mọi người thấy lạ, cho là thần nên không dám mang đi mà táng ngay tại chỗ đó, rồi lập miếu thờ, khâm liệm xương ấy vào quan tài bằng gỗ, để thờ ngay trong miếu, đặt người làm từ lo việc hương khói. Từ đó về sau, thuyền bè người Kinh, người Thuận Thành, mỗi lần đến neo đậu ở bãi này, phàm vào miếu cầu đảo việc gì cũng được linh ứng. Hằng năm vào ngày mùng 2.2, dân trong thôn dùng lễ tam sinh để cúng tế, lâu ngày đã thành lệ...<sup>2</sup> Đến thời nhà Nguyễn trị vì, cá Ông được triều đình ban thần sắc và có nhiều mỹ tự như: Nam Hải cự tộc ngọc lân chi thân, Nam Hải cự tộc nhân ngư chi thân.



Lễ Cầu ngư tại làng Tứ Chánh Vạn, phường Cửa Đại

Tại làng Phước Trạch, có tục lệ “đề tang” khi cá Ông chết (lụy) trôi dạt vào bờ hoặc bắt gặp tình linh khi đang hành nghề trên biển, điều đó được xem là điềm lành, ngư dân cho rằng những điều may mắn, tốt đẹp sẽ đến với cư dân trong làng. Theo thông lệ, người đầu tiên gặp cá Ông lụy sẽ được tôn làm trưởng nam, phải đề tang 100 ngày. Xác cá Ông được cư dân thực hiện các nghi lễ mai táng, chôn cất trong khu vực làng, đến khi đủ 3 năm thì dân làng tiến hành nghi lễ cải táng, lấy “ngọc cốt” cho vào quách, đặt ở trong làng Tứ Chánh Vạn thờ phụng, hương khói. Trước đây, trong một năm, ngư dân trong làng tổ chức lễ cúng cá Ông 2 lần, nhằm phân định sự thay đổi trong chu kỳ đánh bắt cá, đồng thời tạ ơn cá Ông và các chư vị Thần đã phò hộ cho ngư dân trong làng được an toàn trong quá trình đánh bắt thủy hải sản. Lễ cúng đầu tiên trong năm được tổ chức vào tháng giêng sau tết âm lịch, qua đó đánh dấu sự khởi đầu cho mùa đánh bắt xa bờ trong

<sup>2</sup> Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Huế: Nxb. Thuận Hóa, 2002, tr 277.

năm. Lễ cúng thứ hai trong năm thường được tổ chức vào tháng bảy hoặc tháng tám âm lịch (*tùy theo thời tiết*) để kết thúc mùa đánh bắt trên biển. Sau khi kế hoạch tổ chức buổi lễ đã được lập, vị trưởng vạn trong làng thông báo tổ chức một buổi họp để thống nhất quyết định ngày tiến hành lễ cúng, đồng thời bàn bạc về kinh phí đóng góp bắt buộc từ các thành viên trong làng để tổ chức lễ cúng. Buổi lễ tại làng có một đám rước đi trước, bắt đầu vào buổi sáng, gồm có khoảng 20 người mặc trang phục truyền thống, một người chủ tế (*chánh bái*). Một nhóm đàn ông được phân công việc khiêng kiệu, trong chiếc kiệu đó có chứa sắc lệnh. Hai người nhắc xướng mang lọng quan, sáu người chơi nhạc cụ cổ truyền và tám người cầm cờ. Đoàn người này đi độ về phía Bắc dọc theo bãi biển khoảng vài km, sau đó quay trở lại ngôi miếu chính để nghỉ ngơi. Sau đó, đoàn người lại tiếp tục đi dọc theo bãi biển về phía Nam. Trong nghi lễ này, các thành viên trong đoàn khăn vái mời cá Ông và những vị thần biển cùng tham gia vào nghi lễ và lễ hội với các ngư dân và các linh hồn cá Ông đã chết. Sau khi các nghi lễ đã hoàn tất, tại đây còn trình diễn hát bội. Hằng năm, trong làng bầu ra một chủ tế và hai phân hiến. Chủ tế phải đảm bảo các điều kiện: có gia đình, được mọi người kính trọng, am hiểu về các lễ nghi và có số tuổi tương thích với năm được bầu chọn. Hiện nay, hằng năm tại làng diễn ra lễ hội Cầu Ngư vào ngày 16 tháng 2 âm lịch, lễ hội thường diễn ra trong 3 ngày đêm.

Ngày đầu tiên diễn ra nghi thức lễ nghinh thần, lễ túc, ngày thứ hai diễn ra nghi thức đại lễ tế thần, ngày thứ ba diễn ra phần hội gồm có chèo bả trạo, hát bội (*hát tuồng*) và các trò chơi dân gian như đua thuyền, lắc thúng chai thu hút đông đảo sự tham gia của cư dân địa phương và du khách. Có thể thấy rằng, thông qua tục thờ cúng cá Ông đã thắt chặt thêm mối quan hệ cộng đồng, ý thức cộng đồng được nâng cao, tăng tính trách nhiệm đối với nhau trong cuộc sống. Đồng thời, các hoạt động trong tín ngưỡng cá Ông còn hình thành và phát triển loại hình văn nghệ dân gian đặc sắc của địa phương.

Cũng như các làng khác, tín ngưỡng thờ âm linh cũng được cư dân làng Phước Trạch quan tâm lập nên miếu thờ, miếu được lập trong khuôn viên làng Tứ Chánh Vạn. Âm linh là cách gọi phổ biến của cư dân ven biển đối với các vong hồn/vong linh bất hạnh. Việc thờ cúng âm linh biểu hiện qua các hình thức cúng tế, nghi lễ truyền thống chứa đựng ý nghĩa nhân văn cao cả, thấm đượm tình nghĩa giữa người còn sống đối với những số phận bất hạnh đã khuất, đồng thời phản ánh nguyện vọng của người dân biển cầu mong cho cuộc sống của xóm làng được yên bình, ấm no. Đặc biệt, miếu thờ âm linh của làng Phước Trạch có điểm khác biệt so với các làng khác đó là trong miếu có đặt hẳn một tượng thờ Tiêu Diện Đại Sĩ, là vị thần chỉ huy Cô hồn, Âm hồn.

Trong quá trình lao động, ngư dân nơi đây có những thông lệ và

kiêng kỵ riêng. Ngày lành, giờ tốt là yếu tố đầu tiên được ngư dân quan tâm để mở đầu cho mùa đánh bắt thủy sản. Trước thời điểm đánh bắt xa bờ, ngư dân tìm đến “thầy địa” xem để biết được ngày lành, giờ tốt để mở đầu cho mùa đánh bắt của mình. Mỗi người được thông báo ngày giờ tương thích với bản thân. Bên cạnh đó, trong hoạt động đánh bắt họ còn kiêng cử nhiều vấn đề khác liên quan đến tàu thuyền, là phương tiện mưu sinh chính của họ, như: cử những người vừa bốc mộ, người phụ nữ có thai, người có tang mới,... xuống ghe thuyền. Khi chuẩn bị xuất phát đi đánh bắt không được mang vịt lên thuyền. Đối với những người có tang chưa qua 100 ngày thì không được đi biển. Trước khi đi biển, người đàn ông không được gận gửi vợ, không ăn cơm khê, ăn cá không được lật con cá lại. Trong quá trình đánh bắt không được làm rơi dụng cụ hành nghề xuống biển, vì như vậy sẽ làm động Bà Thủy, nếu lỡ làm rơi đồ xuống biển thì phải làm “hình thế” (*hình nộm*) thả xuống biển, sắm sửa lễ vật cúng Bà Thủy để tạ lỗi. Trong quá trình đánh bắt, không được nói những từ ngữ như “úp”, “lật”, “chìm” vì họ quan niệm rằng những từ ngữ này sẽ mang đến những điều xui xẻo trong cả chuyến hành trình.

Tính cách của ngư dân làng Phước Trạch chất phác, phóng khoáng, hòa mình với thiên nhiên, xem biển cả như là quê hương, con thuyền như ngôi nhà thứ hai của mình. Cuộc sống gắn bó, làm bạn với biển đã dần trở nên quen thuộc, hình ảnh về biển cũng luôn

gắn bó mật thiết trong đời sống tinh thần của ngư dân nơi đây. Trong quá trình lao động đánh bắt cá giữa biển cả bao la, để giảm bớt sự mệt nhọc, gian khó, ngư dân làng chài Phước Trạch thường ngâm nga những câu hò, điệu lý gắn liền với sông nước, biển cả như hò kéo chài, hò kéo lưới, hò ra khơi, hò chèo ghe... Không chỉ thế, vào những dịp lễ tế tại địa phương, những câu hò, điệu hát đó được ngâm nga qua chất giọng mộc mạc của ngư dân nơi đây. Trong đó, bài hát phổ biến được ngư dân ngâm nga trong quá trình hành nghề có thể kể đến bài “về các lái” về hải trình đi buôn dọc biển bằng ghe bầu xưa.

*“Ghe bầu các lái đi buôn*

*Đêm khuya ngồi buồn, kể chuyện ngâm nga*

*Bắt từ Gia Định kể ra*

*Anh em thuận hòa từ Huế kể vô*

*...”*

Hiện nay, trong hoạt động khai thác thủy hải sản, người dân làng Phước Trạch đã tiếp thu nhiều kỹ thuật đi biển và phương tiện đánh bắt hiện đại ngày càng đa dạng và phong phú hơn. Tuy rằng đời sống xã hội hiện đại tác động ít nhiều làm ảnh hưởng đến giá trị văn hóa truyền thống của cư dân ven biển làng Phước Trạch, nhưng với sự tồn tại và biểu hiện mạnh mẽ của tín ngưỡng dân gian, có thể khẳng định về sự bền vững của văn hóa mang đậm sắc thái biển nơi đây ♦